

Động thái tăng trưởng GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam

TRẦN ANH PHƯƠNG

Nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng đã trải qua hơn 2/3 chặng đường lãnh đạo công cuộc tiếp tục đổi mới, phát triển đất nước. Dựa trên phương pháp tiếp cận về phát triển nhanh và bền vững, bài viết phân tích, đánh giá thực trạng kinh tế nước ta nhìn từ động thái tăng trưởng GDP và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua; đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta đến năm 2010 nhằm hoàn thành mục tiêu kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra.

Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4-2006) đã khẳng định quan điểm chỉ đạo, đồng thời cũng là mục tiêu tổng quát của phát triển kinh tế nước ta trong nhiệm kỳ lãnh đạo 5 năm (2006-2010) của Đảng cần hướng tới là: “*Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển...*”. Như vậy, bên cạnh việc chú trọng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế (như là *điều kiện cần*), thì việc bảo đảm tính bền vững của sự phát triển (là *điều kiện đủ*) đã được Đảng ta tiếp tục khẳng định là việc làm rất cần thiết nhằm sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Tuy nhiên, nội hàm của phát triển bền vững rất rộng, mà Việt Nam từ nhiều năm qua đã cam kết là một thành viên tích cực của Liên hợp quốc về vấn đề này. Đó là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển: kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Tiêu chí cơ bản để đánh giá sự phát triển bền vững là sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

Bài viết này chỉ đề cập đến hai yếu tố cơ bản và quan trọng nhất của phát triển bền vững trong lĩnh vực kinh tế nước ta từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (tháng 12-1986) đến nay,

đó là *phát triển kinh tế phải dựa vào tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định từ một cơ cấu kinh tế hợp lý, phù hợp với các tiềm năng, thế mạnh của đất nước trong quá trình CNH, HĐH, hội nhập toàn cầu bằng cách xem xét động thái tiến triển của hai loại chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản trong cấu thành của phát triển bền vững: tốc độ tăng trưởng GDP và kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.*

1. Nền kinh tế nước ta từ năm 1986 đến nay vẫn liên tục tăng trưởng với tốc độ khá cao nhưng đã có suy giảm tương đối từ năm 2008 đến nay

1.1. Tăng trưởng kinh tế trước năm 2008 đã diễn ra với động thái khá quan, năm sau tăng nhanh hơn năm trước

Tăng trưởng kinh tế là cơ sở, tiền đề của phát triển kinh tế - xã hội và cũng là bộ phận cấu thành đầu tiên rất quan trọng cho sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Theo kinh tế học phát triển, tăng trưởng kinh tế về cơ bản chỉ là sự gia tăng thuần túy mặt lượng của các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp: GDP, GDP/đầu người hay GNP, GNP/đầu người... Tuy nhiên để có được tăng trưởng kinh tế nhanh liên tục và bền vững lại phụ thuộc vào sự phát triển mà trước hết vẫn là sự tăng trưởng của toàn bộ các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế quốc dân như công nghiệp, nông nghiệp, thương

Trần Anh Phương, TS., Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

mai, dịch vụ... Điều đó cũng hàm ý, lựa chọn sao cho có được một cơ cấu kinh tế hợp lý theo hướng CNH, HĐH phát huy được các lợi thế so sánh của đất nước trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu hiện nay là việc làm rất cần thiết.

Nếu như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hàng năm của nước ta trong giai đoạn 1986-1990 là 5 năm đầu tiên của công cuộc đổi mới còn đạt được ở mức thấp 4,4% do nền kinh tế nước ta vừa bước ra khỏi cuộc khủng hoảng đã kéo dài suốt cả thời kỳ 10 năm trước khi đổi mới, 1975-1986, thì liên tục từ năm 1991 cho đến năm 2007 chúng ta đều duy trì được sự tăng trưởng GDP liên tục với tốc độ khá cao và tương đối ổn định. Cụ thể là: năm 1990 (5,09%); 1991 (5,81%); 1992 (8,7%); 1993 (8,08%); 1994 (8,83%); 1995 (9,54%); 1996 (9,34%); 1997 (8,15%); 1998 (5,76%); 1999 (4,77%); 2000 (6,79%); 2001 (6,89%); 2002 (7,08%); 2003 (7,34%); 2004 (7,79%); 2005 (8,44%); 2006 (8,17%); và đến năm 2007 đã đạt tới 8,48%, mức cao nhất kể từ năm 1997 đến nay.

Động thái tiến triển của tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ta từ năm 1986 đến nay về cơ bản đã phản ánh một thực trạng khả quan là vẫn liên tục giữ được đà tăng trưởng năm sau đều tăng hơn năm trước và sự tăng đó đã diễn ra liên tục cho đến năm 2007 (loại trừ hai năm 1998 và 1999 đã có sự suy giảm tương đối, nguyên nhân chính là nằm trong bối cảnh chung của khu vực Đông Á khi đó đang chịu ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997-1998).

Sự liên tục tăng trưởng GDP với tốc độ khá cao và tương đối ổn định trên đây đã khiến cho nền kinh tế Việt Nam trở thành nền kinh tế đứng thứ hai khu vực Đông Á và kể cả trên thế giới (chỉ sau Trung Quốc) về thành tựu tăng trưởng kinh tế trong suốt hơn hai thập niên vừa qua. Với đà tăng trưởng khả quan đó, Đại hội X của Đảng đã đề ra những chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội cơ bản nhất mà chúng ta cần phấn đấu để thực hiện thành công trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010. Riêng trong lĩnh vực kinh

tế, có một số chỉ tiêu cơ bản mà chúng ta cần thực hiện trước hết là: tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá so sánh sẽ gấp hơn 2,1 lần năm 2000; trong 5 năm 2006 - 2010, tốc độ tăng trưởng bình quân GDP sẽ là 7,5 - 8%/năm, nhưng cần phấn đấu đạt trên 8%/năm; theo đó, GDP bình quân đầu người năm 2010 theo giá hiện hành phấn đấu sẽ đạt khoảng 1.050 - 1.100 USD; cơ cấu ngành trong GDP năm 2010 sẽ là: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%; công nghiệp và xây dựng 43 - 44%; dịch vụ 40 - 41%; kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm; tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 21 - 22%; vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 40% GDP...

Các chỉ tiêu là vậy, song thực tiễn diễn ra của kinh tế nước ta từ năm 2008 đến nay không hoàn toàn suôn sẻ, thuận lợi như mong muốn phấn đấu theo kế hoạch đề ra trên đây.

1.2. Tăng trưởng kinh tế từ năm 2008 đến nay đã có sự suy giảm tương đối và không hoàn thành kế hoạch đề ra

Như đã nêu trên, năm 2006 GDP của nước ta tăng 8,17% so với năm 2005 và năm 2007 tăng 8,48% so với năm 2006, là mức tăng cao nhất trong 10 năm trước đó (từ năm 1996 đến năm 2006). Nhưng đến năm 2008, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu, cũng như những khó khăn trong nước như thiên tai, dịch bệnh, kể cả những hạn chế, bất cập trong cơ chế, chính sách quản lý, điều hành vĩ mô, nên tốc độ tăng trưởng năm 2008 đã giảm mạnh xuống ở mức 6,23%, thấp hơn so với mức 7% đã được kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XII (tháng 4-2008) đề ra, và càng thấp hơn so với mức đề ra ban đầu của kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XII (tháng 10-2007) đã đề ra là 8,48% (bằng mức đã tăng của năm 2007). Tuy nhiên, nếu tính chung cho cả 3 năm từ 2006 đến hết năm 2008, thì tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm là 7,6%, vẫn đạt mục tiêu kế hoạch đề ra của Đại hội X là bình quân hàng năm tăng 7,5-8%.

Về lượng giá trị tuyệt đối của GDP tính theo giá so sánh, đến hết năm 2008 đã tăng gấp 1,8 lần năm 2000 (ước tính của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) so với kế hoạch đã đề ra cho

năm 2010 là sẽ gấp gần 2,1 lần. Theo đó, GDP/người năm 2008 đạt khoảng 17 triệu đồng, tương đương 1.024 USD (năm 2007 là 835 USD), xấp xỉ so với mục tiêu kế hoạch mà Đại hội X đã đề ra cho năm 2010 là 1.050 - 1.100 USD. Nếu chỉ xét theo lượng tuyệt đối của chỉ số này thì Việt Nam đã vượt qua ngưỡng nước nghèo, trở thành nước có nền kinh tế đang phát triển có thu nhập thấp (theo cách tính và quy định từ năm 2004 của Ngân hàng Thế giới (WB), nước nghèo là nước có GDP/người dưới 950 USD). Tuy nhiên, nếu tính toán chính xác và khách quan khoa học về kết quả thực tế đã đạt được năm 2008, thì mức thu nhập trên chưa thể được gọi là "niềm vui trọn vẹn" vì trước đó (năm 2007) chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng bình quân chỉ là 8,3%, nhưng đến năm 2008 đã "đội" lên tới 22,97%; đồng đôla Mỹ mất giá do CPI gây ra là khoảng 2,35%. Do đó, *chưa thể khẳng định Việt Nam đã thực sự thoát khỏi ngưỡng nước nghèo*, gia nhập nhóm nước có mức thu nhập trung bình dù đạt mức thu nhập bình quân 1.024USD/người, bởi nếu lấy mức tăng giá và tỷ giá VND/USD của năm 2007 để tính thì thu nhập bình quân năm 2008 chỉ là khoảng hơn 900 USD/người, chưa đạt con số tối thiểu để được ghi nhận nước thoát nghèo.

Xét về các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế đối với từng khu vực, từ sau Đại hội X đến nay chúng ta đã thực hiện được như sau:

- *Khu vực nông nghiệp*, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức của thiên tai, dịch bệnh... năm 2006, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn tăng trưởng khả quan với mức tăng 3,3% so với năm 2005. Năm 2007, tăng 3,0% so với 2006. Năm 2008 tăng 6% so với năm 2007. Tính bình quân chung cả 3 năm 2006-2008, tăng trưởng khu vực nông nghiệp đạt khoảng 4,1%, vượt kế hoạch đề ra của Đại hội X là từ 3-3,2%. Nhờ đó càng tăng thêm bảo đảm an ninh lương thực và tăng thêm kim ngạch xuất khẩu hàng hóa nông sản.

- *Khu vực công nghiệp* từ nhiều năm qua đã có tốc độ tăng trưởng thường xuyên ở mức cao nhất. Từ năm 2006 đến nay mức tăng như sau: năm 2006 tăng 10,3% so với năm 2005; năm 2007 tăng mạnh tới 17,1% so với năm

2006; năm 2008 vừa qua, do chịu ảnh hưởng lớn của tăng giá đầu vào cũng như lạm phát trong nước và chung toàn cầu..., nên tốc độ tăng trưởng đã giảm xuống tương đối nhưng vẫn tăng 13,9% so với năm 2007. Tính bình quân chung cho cả 3 năm 2006-2008 là khoảng 13,8%, vượt kế hoạch bình quân đề ra cho hàng năm từ 2006 đến năm 2010 là 10-10,2%.

- *Khu vực dịch vụ* so với hai khu vực trên có tốc độ tăng trưởng ổn định hơn. Năm 2006 đã tăng 8,29% so với năm 2005; năm 2007 đã tăng 8,5% so với năm 2006; năm 2008 vừa qua trong tình hình suy giảm, lạm phát chung toàn cầu, tuy sự tăng khu vực dịch vụ có giảm tương đối so với năm trước, song vẫn tăng 7,2% so với năm 2007, còn cao hơn cả mức tăng trưởng chung của cả nền kinh tế (6,23%). Tính bình quân tăng trưởng hàng năm của cả 3 năm 2006-2008 đã đạt khoảng 8%, bằng mức đã đề ra của kế hoạch 2006-2010 là 7,7-8,2%.

Tóm lại, nếu so với năm 2007 thì chỉ trừ lĩnh vực nông nghiệp là có tốc độ tăng tuyệt đối của năm 2008 cao hơn, còn hầu hết các chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng năm 2008 vừa qua của từng khu vực kinh tế và của toàn nền kinh tế nước ta đều có sự suy giảm tương đối so với năm trước (2007). Tuy nhiên, nhìn về tổng thể chung cho cả 3 năm thì mức tăng bình quân hàng năm đều đạt mức tăng bằng hoặc cao hơn so với kế hoạch đề ra của Đại hội X của Đảng.

Nhận định tổng quan có thể rút ra về động thái tăng trưởng chung của nền kinh tế Việt Nam từ sau khi cả nước nỗ lực phấn đấu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội Đảng lần thứ X đề ra cho giai đoạn 5 năm 2006-2010, cũng như theo đó, Quốc hội và Chính phủ đã đề ra cho kế hoạch phát triển cụ thể từng năm từ 2006 đến nay là: *chúng ta vẫn tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh, năm sau đều cao hơn năm trước và đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra cho từng năm từ 2006 đến 2007, nhưng đến năm 2008 do những nguyên nhân khó khăn khách quan và cả chủ quan... nên tăng trưởng chung của kinh tế*

Việt Nam cũng đã có sự suy giảm tương đối, làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhanh và bền vững của nước ta. Nếu cứ tình hình này chắc chắn sẽ còn ảnh hưởng trực tiếp không nhỏ đến việc hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010 đã được Đại hội X của Đảng đề ra, cho dù mới đây kế hoạch phát triển đó đã được Hội nghị Trung ương lần thứ chín (khóa X) thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình mới.

1.3. Cần nỗ lực phấn đấu cao mới có thể hoàn thành mục tiêu kế hoạch tăng trưởng kinh tế đề ra của Đại hội X (đã được điều chỉnh lại)

Cho đến thời điểm tháng 6-2009 đã được hơn 2/3 chặng đường nhiệm kỳ lãnh đạo đất nước của Bộ Chính trị và BCH TƯ Đảng khóa X. Đối chiếu với mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu kinh tế cơ bản nhất của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2006- 2010 do Đại hội X đã đề ra, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín (khóa X) (tháng 1-2009) và Báo cáo của Chính phủ (tại kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII, tháng 5-6/2009) đều đã nhận định, với sự nỗ lực phấn đấu của cả nước, cho đến nay chúng ta đã làm được khá nhiều việc với kết quả khả quan nhưng cũng còn không ít những việc còn dang dở, thậm chí còn nhiều hạn chế, bất cập cần nhanh chóng có các giải pháp khắc phục mới có thể hy vọng hoàn thành được kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006-2010, trước hết là năm 2009 này để tạo đà phát triển tích cực cho năm còn lại là 2010. Vì vậy, để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP như kế hoạch đã đề ra của Đại hội X mà mới đây kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII đã cụ thể hóa thành các chỉ tiêu có điều chỉnh lại cho phù hợp thực tiễn nước ta và thế giới đang có rất nhiều khó khăn, phức tạp hiện nay và cả dự báo thời gian tới là điều không đơn giản mà chúng ta cần lường trước, ra sức phấn đấu, không chủ quan duy ý chí hoặc cũng không nên quá lo lắng, tự ti trước những khó khăn, thách thức làm giảm sút ý chí quyết tâm.

2. Cơ cấu kinh tế nước ta đã và đang tiếp tục chuyển dịch theo hướng

CNH, HDH, hội nhập vào kinh tế toàn cầu nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập

2.1. Quan điểm của Đảng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thực tiễn chuyển dịch CCKT trong hơn 20 năm đổi mới vừa qua về định hướng cơ bản như đã được các kỳ Đại hội Đảng và nhiều nghị quyết chuyên đề của Bộ Chính trị, của Trung ương Đảng, tiếp đó là sự thể chế hóa của Nhà nước, của Chính phủ thành các đường lối, chính sách phát triển cụ thể... đều đã khẳng định là cần có các giải pháp tích cực tiếp tục chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HDH phù hợp với các lợi thế so sánh vốn có của nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường định hướng XHCN, mở cửa hội nhập vào kinh tế toàn cầu. *Chuyển dịch CCKT theo hướng CNH, HDH đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là con đường tất yếu để Việt Nam phát triển bền vững, nhanh chóng thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm phát triển, trở thành một quốc gia văn minh, hiện đại.*

Nội dung và yêu cầu cơ bản của chuyển dịch CCKT ở nước ta theo hướng CNH, HDH là tăng nhanh tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành công nghiệp, xây dựng (gọi chung là công nghiệp) và thương mại - dịch vụ (gọi chung là dịch vụ), đồng thời giảm dần tương đối tỷ trọng giá trị trong GDP của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp (gọi chung là nông nghiệp). Cùng với quá trình chuyển dịch của CCKT như vậy sẽ đồng thời dẫn đến những biến đổi kinh tế và xã hội theo hướng CNH, HDH trên bình diện chung của các loại cơ cấu liên đới kinh tế và xã hội như cơ cấu các vùng kinh tế, các thành phần kinh tế, các lực lượng lao động xã hội, CCKT đối nội, CCKT đối ngoại...

2.2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ năm 1986 đến nay

Thực hiện định hướng cơ bản trên đây của Đảng và Nhà nước ta về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HDH, sau hơn 20

năm đổi mới, từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) đến nay, chúng ta đã đạt được những kết quả nổi bật sau:

- *Về cơ cấu ngành kinh tế*, cùng với tốc độ tăng cao liên tục và khá ổn định của GDP, cơ cấu ngành kinh tế của nước ta đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng tích cực: tỷ trọng trong GDP của ngành nông nghiệp đã giảm nhanh từ 38,1% năm 1990 xuống 27,2% năm 1995, 24,5% năm 2000, năm 2005 xuống 20,9%, và đến năm 2008 còn khoảng 20,6%; tỷ trọng công nghiệp trong GDP đã tăng nhanh, năm 1990 là 22,7%, năm 1995 đã tăng lên 28,8%, năm 2000 là 36,7%, năm 2005 là 41% và đến năm 2008 đã tăng đến khoảng 41,6%; tỷ trọng dịch vụ trong GDP chưa biến động nhiều, năm 1990 là 38,6%, năm 1995 là 44,0%, năm 2000 là 38,7%, năm 2005 là 8,1%, năm 2008 vừa qua khoảng 38,7%. Từ đó đã tác động đến thay đổi cơ cấu lao động nước ta cũng theo xu hướng số lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng lên và số lao động ngành nông nghiệp ngày càng giảm đi.

Đáng lưu ý, ngay chính trong nội bộ cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn cũng đã có sự chuyển dịch ngày càng tích cực hơn theo hướng CNH, HĐH. Tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực nông thôn đã tăng từ 17,3% năm 2001 lên 19,3% năm 2007. Trên cơ sở đó, đã tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội nông thôn mà biểu hiện rõ nhất là đã thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu hộ nông thôn theo hướng ngày càng tăng thêm các hộ làm công nghiệp, thương mại và dịch vụ; trong khi số hộ làm nông nghiệp thuần túy thì giảm dần. Tỷ lệ hộ nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp) đã giảm 9,87%, tỷ lệ hộ công nghiệp tăng lên 8,78%. Năm 2007, số hộ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn nông thôn có 3,6 triệu hộ, tăng 62% so với năm 2000.

- *Về cơ cấu các thành phần kinh tế* ngày càng được chuyển dịch theo hướng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Nhà nước, trong đó kinh tế tư nhân được phát triển

không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Từ những định hướng đó, khung pháp lý ngày càng được đổi mới, tạo thuận lợi cho việc chuyển dần từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, sang nền kinh tế thị trường, nhằm giải phóng sức sản xuất, huy động và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả, tạo đà cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- *Về cơ cấu vùng kinh tế*, trong những năm vừa qua cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế. Trên bình diện quốc gia, đã hình thành 6 vùng kinh tế: Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; trong đó có 3 vùng kinh tế trọng điểm, là vùng động lực cho tăng trưởng kinh tế cả nước.

Các địa phương cũng đẩy mạnh việc phát triển sản xuất trên cơ sở xây dựng các khu công nghiệp tập trung, hình thành các vùng chuyên canh cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến, nuôi trồng thủy sản, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa trên cơ sở điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội của từng vùng. Điều này tạo thuận lợi cho phát triển công nghiệp chế biến, góp phần tạo nên xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng sản xuất hàng hóa, hướng về xuất khẩu.

- *Cơ cấu nền kinh tế đã chuyển dịch tích cực theo hướng mở cửa, hội nhập vào kinh tế toàn cầu*, thể hiện ở tỷ lệ xuất khẩu/GDP (XK/GDP) ngày càng tăng, nghĩa là hệ số mở cửa ngày càng lớn, từ 34,7% năm 1992 lên 47% năm 2001 và đến năm 2005 là trên 50%. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm 2001-2005 đã đạt 111 tỷ USD, tăng bình quân 17,5%/năm (kế hoạch 16%/năm), khiến cho năm 2005 bình quân kim ngạch xuất khẩu/người đã đạt 390 USD/năm, gấp đôi năm 2000. Năm 2006, kim ngạch xuất khẩu tiếp tục đạt mức cao 40 tỷ USD, tăng 24% so với năm 2005. Năm 2007, kim ngạch xuất khẩu vẫn tiếp tục tăng trưởng khá cao, đạt gần 50 tỷ USD, tăng 21,5% so với năm 2006,

đưa tỷ lệ XK/GDP lên đến khoảng 68%. Năm 2008, kim ngạch xuất khẩu ước đạt trên 65 tỷ USD, tăng 31,8% so với năm 2007, đưa tỷ lệ XK/GDP lên đến trên 70%, hệ số mở cửa rất mạnh.

Nhiều sản phẩm của Việt Nam như gạo, cao su, may mặc, giày dép, hải sản... đã có sức cạnh tranh cao trên thị trường thế giới. Các hoạt động kinh tế đối ngoại khác như đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) và viện trợ phát triển chính thức (ODA) cũng đều tăng trưởng khả quan. Đặc biệt là vốn FDI đã có bước phát triển tích cực, tăng mạnh từ năm 2004 đến nay: năm 2001: vốn FDI vào Việt Nam là 3,2 tỷ USD, năm 2002: 3,0 tỷ USD, năm 2003: 3,2 tỷ USD, năm 2004: 4,5 tỷ USD, năm 2005: 6,8 tỷ USD, năm 2006: 10,2 tỷ USD, và năm 2007 là năm thứ hai nước ta đã liên tục nhận được các nguồn vốn FDI đạt con số kỷ lục, 20,3 tỷ USD, tăng gấp đôi so với năm 2006, bằng tổng mức thu hút FDI của cả giai đoạn 5 năm 2001-2005, chiếm 1/4 tổng vốn FDI vào Việt Nam trong suốt hơn 20 năm qua.

Năm 2008, tuy kinh tế toàn cầu có nhiều khó khăn lớn trong xu thế suy thoái, song FDI vào nước ta vẫn chưa bị ảnh hưởng nhiều, ước cả năm có số vốn đăng ký trên 60 tỷ USD, gấp khoảng ba lần so với năm 2007, vẫn thực hiện khoảng 10 - 11 tỷ USD. Vốn ODA cam kết nhiều hơn, đến hết tháng 9 các nhà tài trợ đã ký hiệp định cung cấp trên 1,8 tỷ USD; đã giải ngân trên 1,4 tỷ USD, đạt 74,5% kế hoạch năm.

Hoạt động đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài cũng đã bước đầu triển khai tuy còn rất khiêm tốn. Các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã có một số dự án đầu tư ra nước ngoài như khai thác dầu ở Angiêri, Singapore, trồng cao su ở Lào... Điều đó càng khẳng định nền kinh tế mở của Việt Nam đã và đang trong xu thế tích cực hội nhập vào kinh tế khu vực và kinh tế toàn cầu, mà một trong những nguyên nhân quan trọng và cơ bản là chúng ta đã tích cực tạo lập và phát triển được một cơ cấu kinh tế đối ngoại phù hợp với lợi thế so sánh của đất nước trong tiến trình hội nhập.

2.3. Những hạn chế, bất cập của chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Những kết quả nổi bật trên cho thấy, cơ cấu kinh tế nước ta về cơ bản cho đến nay đã có những chuyển dịch tích cực, đúng hướng nhưng nếu so với yêu cầu phát triển đặt ra vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập.

Ngành công nghiệp tuy có tốc độ tăng trưởng cao, ngày càng giữ tỷ trọng lớn hơn trong nền kinh tế và cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp ở một vài lĩnh vực điện tử, viễn thông... đã có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng gia tăng tỷ trọng của các sản phẩm kỹ thuật công nghệ cao. Tuy nhiên, yếu tố hiện đại hóa trên diện rộng toàn ngành công nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Công nghiệp chế biến, đặc biệt là những ngành công nghệ cao có vị thế khu vực và toàn cầu chưa được chú trọng đầu tư phát triển, trong khi đa phần vẫn chỉ là ở trình độ kỹ thuật công nghệ hạng trung trở xuống.

Tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP giảm liên tục trong những năm gần đây. Những ngành dịch vụ có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao như dịch vụ tài chính - tín dụng, dịch vụ tư vấn chậm phát triển. Tình trạng độc quyền dẫn tới giá cả dịch vụ cao, chất lượng dịch vụ thấp còn tồn tại ở nhiều ngành dịch vụ như: điện lực, viễn thông, đường sắt. Một số ngành có tính chất động lực như giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tính chất xã hội hóa còn thấp, chủ yếu dựa vào nguồn vốn của Nhà nước. Cơ cấu đào tạo chưa hợp lý, vẫn diễn ra tình trạng "thừa thầy thiếu thợ", nhất là thiếu lao động trình độ cao; chất lượng giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng với yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra đánh giá tổng quan về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội trong 3 năm qua (2006-2008) và dự báo khả năng thực hiện 52 chỉ tiêu chủ yếu đã được Đại hội X của Đảng đề ra trong kế hoạch kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010, trong đó có các chỉ tiêu liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH ở nước ta. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra cảnh báo, mặc dù đã có sự chuyển dịch đúng hướng, song tiến độ thực hiện còn chậm so với mục tiêu kế hoạch;

trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đã và đang lâm vào khủng hoảng hiện nay và dự báo sẽ còn rất nan giải, chỉ ít là trong vài ba năm tới nếu không có các giải pháp chính sách công đầy mạnh mẽ hơn nữa trong phát triển công nghiệp và dịch vụ theo hướng nâng cao về sản lượng và chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế cùng với chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ... thì khó có thể thực hiện được mục tiêu đã đề ra. Có cảnh báo đó là vì cho đến hết năm 2008 vừa qua, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP mới chỉ đạt khoảng 20,6-20,7%, trong khi kế hoạch đến năm 2010 phải là 15-16%; giá trị công nghiệp năm 2008 mới chiếm khoảng 40,6-40,7% GDP, trong khi kế hoạch đến năm 2010 phải là 43-44%; tỷ trọng thương mại-dịch vụ năm 2008 mới đạt khoảng 38,7-38,8% GDP, trong khi kế hoạch đến năm 2010 phải là 40-41%.

2.4. Một số giải pháp tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta đến năm 2010

Để đạt được chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2010 như mục tiêu kế hoạch đã đề ra của Đại hội X, chúng ta cần phấn đấu thực hiện tốt hơn nữa những vấn đề sau đây:

- Tăng mạnh hơn nữa tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, phát triển mạnh các ngành, nghề phi nông nghiệp, giảm bớt lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tăng khả năng tích lũy cho dân cư nhằm tạo điều kiện để tái đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, trong đó có cả sản xuất nông nghiệp. Kết quả là, tất cả các ngành kinh tế đều phát triển, nhưng ngành công nghiệp và dịch vụ cần phát triển nhanh hơn. biểu hiện là tăng tỷ trọng của sản phẩm công nghiệp và dịch vụ trong GDP.

- Hình thành các vùng kinh tế dựa trên tiềm năng, lợi thế của vùng, gắn với nhu cầu của thị trường. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH phải là quá trình chuyển biến căn bản về phân công lao động xã hội theo lãnh thổ. Xóa bỏ tình trạng chia

cắt về thị trường giữa các vùng; xóa bỏ tình trạng tự cung tự cấp, đặc biệt là tự cung, tự cấp về lương thực của từng vùng, từng địa phương. Mỗi địa phương phải đặt mình trong một thị trường thống nhất, không chỉ là thị trường cả nước mà còn là thị trường quốc tế, trên cơ sở đó xác định những khả năng, thế mạnh của mình để tập trung phát triển, tham gia vào quá trình phân công và hợp tác lao động có hiệu quả.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH gắn với quá trình hình thành các trung tâm kinh tế thương mại, gắn liền với quá trình đô thị hóa. Mặt khác, việc quy hoạch xây dựng các khu đô thị, trung tâm kinh tế, thương mại có ảnh hưởng trực tiếp trở lại tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH là quá trình phân công lao động xã hội, chuyển dịch lao động từ ngành nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ. Đây là giải pháp vừa cấp bách, vừa triệt để nhằm giải quyết tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn hiện nay, đồng thời là hệ quả tất yếu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH phải theo mục tiêu phát triển bền vững, trong đó cấu thành một bộ phận rất quan trọng và không thể thiếu là bảo vệ môi trường. Từ đó cho thấy, các nhà lãnh đạo, quản lý cho đến các doanh nghiệp, địa phương, cơ sở... cần phải hết sức chú ý thực hiện tốt vấn đề này, tránh tình trạng vì lợi nhuận kinh tế trước mắt dẫn đến phá hủy nghiêm trọng môi trường sinh thái tự nhiên.

Định hướng chung về các vấn đề liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế như đã nêu trên, có thể khái quát lại một cách ngắn gọn nhưng vẫn thể hiện rõ quan điểm phát triển bền vững của Đảng ta trong thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH như đã chỉ ra trong Văn kiện Đại hội X (tháng 4-2006) là "Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao”.

Để đạt được hệ thống mục tiêu trên, phương thức tác động của các chính sách kinh tế và xã hội đương nhiên cần phù hợp với các quy luật kinh tế thị trường, đảm bảo tính linh hoạt mềm dẻo nhưng nhất thiết phải có định hướng quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, mà trực tiếp là Chính phủ cùng toàn thể bộ máy từ Trung ương đến địa phương. Đây là một vấn đề lớn, phức tạp nhưng rất quan trọng và cần thiết mà phạm vi bài viết này chưa thể đề cập được. Tuy nhiên, về quan điểm và cũng là nguyên tắc chỉ đạo, Nhà nước nên tạo mọi điều kiện thuận lợi hơn nữa để phát huy những khả năng to lớn của cơ chế thị trường, của sức mạnh dân doanh. Nhà nước chỉ nên tập trung nguồn lực (kể cả các giải pháp kinh tế và hành chính khi cần) để giải quyết những vấn đề mà cơ chế thị trường không giải quyết được hoặc giải quyết kém hiệu quả.

3. Thay lời kết

Nền kinh tế Việt Nam từ năm 2008 đến nay đã diễn biến rất phức tạp với nhiều khó khăn, thách thức từ chính tình trạng tăng trưởng “nóng” của kinh tế trong nước dồn tích nhiều năm qua đã đến lúc nảy sinh hệ lụy do những ảnh hưởng tiêu cực đồng thời của khủng hoảng tài chính toàn cầu khởi đầu từ kinh tế Mỹ... Ngoài ra, còn có những khó khăn, thách thức khác về thiên tai, dịch bệnh cũng rất nan giải và đã gần như là “căn bệnh mãn tính” nhiều năm qua đối với nước ta. Trong bối cảnh đó, Chính phủ đã kịp thời và kiên quyết chỉ đạo các bộ ngành, địa phương nỗ lực thực hiện 8 nhóm giải pháp chống lạm phát để phấn đấu tăng trưởng kinh tế, thực hiện an sinh xã hội nên về cơ bản kinh tế - xã hội nước ta cho đến nay vẫn giữ được sự phát triển ổn định. Nhiều lĩnh vực tiếp tục tăng trưởng khá quan và vẫn có những “điểm sáng” nổi bật trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế quan trọng như xuất khẩu, đầu tư nước ngoài, thương mại - dịch vụ.

Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII (tháng 5-6-2009) đã

công bố chính thức các số liệu thống kê cơ bản kinh tế-xã hội đạt được trong năm 2008 vừa qua. Theo đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2008 đã tăng 6,23% so với năm 2007. Theo số liệu thực tế, trong số 25 chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2008 có 3 chỉ tiêu đạt thấp hơn mức đã báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp trước, đó là: tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP), tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu và độ che phủ rừng; có 6 chỉ tiêu đạt tốt hơn so với mức đã báo cáo Quốc hội, đó là: tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, tổng thu ngân sách nhà nước, chỉ số giá tiêu dùng, số địa phương đạt chuẩn chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tuyển mới cao đẳng nghề và trung cấp nghề, tỷ lệ hộ nghèo.

Nhìn tổng quát, kết quả thực hiện cả năm 2008 và kể cả từ đầu năm 2009 đến nay cho thấy: *Chúng ta đã đạt được 3 mục tiêu phấn đấu cơ bản như đã đề ra, đó là đã kiểm chế được lạm phát, giữ được ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, chuyển mạnh sang cơ chế giá thị trường, bảo đảm được an sinh xã hội và giữ vững an ninh, quốc phòng.* Những kết quả đó thể hiện sự nỗ lực to lớn của các cấp, các ngành, của doanh nghiệp và của toàn dân.

Mặc dù vậy, nền kinh tế nước ta vẫn đang đứng trước những khó khăn, tồn tại và thách thức lớn. Thị trường trong nước và ngoài nước tiếp tục khó khăn, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp hoặc ngừng hoạt động. Lạm phát vẫn ở mức cao, nhập siêu lớn, cán cân thương mại và cán cân vãng lai vẫn thâm hụt. Hoạt động tiền tệ, tín dụng còn nhiều khó khăn và rủi ro, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng còn cao. Thị trường chứng khoán hoạt động không ổn định, giảm sút nhiều. Thị trường bất động sản trầm lắng. Hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém. Công tác giải quyết việc làm và đời sống nhân dân ở nhiều nơi còn khó khăn. Số người mất việc làm vẫn đang có xu hướng gia tăng (riêng năm 2008 đã có khoảng 667.000 người bị thất nghiệp, trong đó hơn 3.000 lao động từ nước ngoài phải về nước trước thời hạn). Còn nhiều bức xúc về tình trạng ô nhiễm môi trường, vệ

sinh an toàn thực phẩm, trật tự an toàn xã hội chưa được giải quyết tốt...

Vấn đề quan trọng hàng đầu đặt ra hiện nay là toàn Đảng, toàn dân đang nỗ lực phấn đấu để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 5% năm 2009 như đã được Quốc hội và Chính phủ vừa điều chỉnh lại và quyết nghị tại kỳ họp thứ năm, Quốc hội khóa XII (tháng 5-6/2009)... Để biến định hướng mục tiêu trên đây thành hiện thực, ngay từ đầu năm 2009, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín (khóa X) của Đảng vừa ban hành về việc quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ đã được Nghị quyết Đại hội X của Đảng đề ra (sau khi đã điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình mới), các cấp, các ngành đã và đang ra sức thực hiện 5 nhóm giải pháp vĩ mô của Chính phủ, trong đó trọng tâm là: ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội. Theo đó, cả nước ta cần thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu, thực hiện có hiệu quả các gói kích cầu đầu tư và tiêu dùng trong nước. Những chỉ đạo trực tiếp, quyết liệt đó của Chính phủ, trong đó có việc đồng thời tung ra các gói tiền lớn tới chục tỷ USD để kích cầu đầu tư sản xuất, khuyến khích tiêu dùng xã hội cho phát triển sản xuất hiện nay chính là sự tiếp tục thể hiện "sức mạnh bàn tay hữu hình" của Nhà nước Việt Nam trong điều tiết nền kinh tế thị trường. Theo đó, chúng ta cần triển khai có hiệu quả ngay các giải pháp là:

- Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở tạo thuận lợi về thủ tục vay vốn và có chính sách miễn, giảm và giãn tiến độ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn.

- Nhanh chóng khắc phục hậu quả thiên tai, khôi phục sản xuất nông nghiệp, đồng thời có chính sách hỗ trợ nông dân, ngư dân tiêu thụ sản phẩm đang tồn đọng để khuyến khích phát triển sản xuất.

- Tích cực làm tốt công tác xúc tiến thương mại nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa; thực hiện tỷ giá linh hoạt hỗ trợ xuất khẩu, đặc biệt đối với hàng nông

sản, từ đó kích thích sản xuất trong nước phát triển.

- Tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, có kiểm tra và giám sát nhằm bảo đảm đầu tư có hiệu quả.

- Tổ chức tốt hệ thống phân phối, đặc biệt mạng lưới bán lẻ, bảo đảm nguồn hàng tiêu dùng; tăng cường kiểm tra, quản lý thị trường giá cả và chất lượng hàng hóa; chống gian lận thương mại, đầu cơ, nâng giá tùy tiện.

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo thị trường, tiếp tục quan tâm và làm thật tốt công tác an sinh xã hội.

Thực hiện có hiệu quả cao các giải pháp trên đây, về thực chất cũng chính là việc thực hiện có hiệu quả cao, đồng bộ hệ thống 6 giải pháp định hướng vĩ mô đã được Chính phủ đề ra trong Nghị quyết 01/NQ-CP mới đây về những giải pháp chỉ đạo, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009. Đó là: 1. Tập trung tháo gỡ những khó khăn trước mắt, thúc đẩy phát triển kinh doanh, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư phát triển, ngăn chặn suy giảm kinh tế; 2. Ổn định kinh tế vĩ mô, ngăn ngừa lạm phát; 3. Thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường, triển khai mạnh các hoạt động môi trường; 4. Tăng cường hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao vị thế Việt Nam trên thị trường quốc tế, đảm bảo quốc phòng an ninh; 5. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; 6. Tăng cường năng lực điều hành, tổ chức thực hiện./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX (2001) và lần thứ X (2006), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001 và 2006.

2. Các văn kiện nghị quyết Trung ương (khóa IX, X) có liên quan từ năm 2001 đến nay.

3. Các báo cáo của Quốc hội và Chính phủ về những vấn đề liên quan đã công bố trên báo Nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng khác từ năm 2006 đến nay.